|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  **VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | Số: /2019/TT-NHNN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* | |
| DỰ THẢO GỬI LẤY Ý KIẾN |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam** **(sau đây gọi là Thông tư số 40/2011/TT-NHNN)**

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**"Điều 3. Thẩm quyền quyết định cấp Giấy phép**

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định cấp Giấy phép*, cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép* theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan đối với ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

*2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố quyết định cấp Giấy phép, sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan đối với Văn phòng đại diện.*"

2. Bổ sung Mục 5 vào Chương II như sau:

"**Mục 5**

**QUY ĐỊNH VỀ NHỮNG THAY ĐỔI CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

## Điều 18d. Quy định chung về những thay đổi của Văn phòng đại diện

1. Văn phòng đại diện lập hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép gửi qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nướcđối với các nội dung thay đổi sau:

a) Thay đổi tên;

b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đang đặt trụ sở;

c) Thay đổi thời hạn hoạt động;

2. Văn phòng đại diện gửi văn bản thông báo qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đang đặt trụ sở về các nội dung thay đổi sau:

a) Thay đổi Trưởng văn phòng đại diện;

b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố;

c) Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở mà không làm thay đổi địa điểm đặt trụ sở.

3. Văn phòng đại diện lập hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép quy định tại khoản 1 Điều này theo nguyên tắc lập hồ sơ quy định tại Điều 13 Thông tư này.

**Điều 18đ. Hồ sơ, trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với việc** **thay đổi tên của Văn phòng đại diện**

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thay đổi tên do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng ký, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Tên hiện tại;

(ii) Tên dự kiến thay đổi đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan về đặt tên;

(iii) Lý do thay đổi tên (do việc hợp nhất, sáp nhập, chia tách, mua lại, thay đổi tên của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động

ngân hàng...);

b) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước nguyên xứ cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đổi tên; trường hợp quy định của nước nguyên xứ không yêu cầu phải có văn bản cho phép thì phải có bằng chứng chứng minh việc này;

2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép:

a) Văn phòng đại diện lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Văn phòng đại diện bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi tên của Văn phòng đại diện. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## Điều 18e. Hồ sơ, trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đang đặt trụ sở

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng ký, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Địa điểm hiện tại;

(ii) Địa điểm dự kiến chuyển đến;

(iii) Lý do thay đổi;

b) Văn bản, tài liệu chứng minh Văn phòng đại diện có quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới.

2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép:

a) Văn phòng đại diện lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Văn phòng đại diện bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## Điều 18g. Hồ sơ, trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với việc thay đổi thời hạn hoạt động của Văn phòng đại diện

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thay đổi thời hạn hoạt động do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động

ngân hàng ký, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Thời hạn hoạt động hiện tại;

(ii) Thời hạn hoạt động dự kiến thay đổi;

(iii) Lý do thay đổi thời hạn hoạt động;

b) Báo cáo tổng quan tình hình hoạt động của Văn phòng đại diện, trong đó nêu rõ:

(i) Tình hình hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị;

(ii) Kế hoạch hoạt động cho 03 năm tiếp theo;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị;

d) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tiếp tục duy trì hoạt động Văn phòng đại diện tại Việt Nam; trường hợp quy định của nước nguyên xứ không yêu cầu phải có văn bản cho phép thì phải có bằng chứng chứng minh việc này;

đ) Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị đã được kiểm toán của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép:

a) Tối thiểu 60 ngày trước ngày Giấy phép hết thời hạn, Văn phòng đại diện lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Văn phòng đại diện bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi thời hạn hoạt động của Văn phòng đại diện. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do."

3. Bổ sung Mục 4 vào Chương III như sau:

"**Mục 4**

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

**Điều 31a. Báo cáo định kỳ của Văn phòng đại diện**

1. Văn phòng đại diện gửi báo cáo bằng văn bản về các hoạt động của Văn phòng đại diện trong 6 tháng đầu năm và cả năm qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đang đặt trụ sở theo mẫu báo cáo hoạt động quy định tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thời hạn gửi báo cáo của Văn phòng đại diện thực hiện như sau:

a) Báo cáo 6 tháng đầu năm từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo phải gửi trước ngày 30 tháng 7 năm tài chính;

b) Báo cáo hằng năm từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo phải gửi trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

**Điều 31b. Báo cáo đột xuất của Văn phòng đại diện**

1. Văn phòng đại diện gửi báo cáo đột xuất qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đang đặt trụ sở khi có những sự việc bất thường có ảnh hưởng đến hoạt động của Văn phòng đại diện.

2. Trong trường hợp cần thiết Ngân hàng Nhà nước có thể yêu cầu Văn phòng đại diện báo cáo đột xuất ngoài các báo cáo định kỳ quy định tại Điều 31a Thông tư này, cung cấp các tài liệu, giải trình những vấn đề liên quan đến hoạt động của mình."

4. Bổ sung Điều 33a vào sau Điều 33 như sau:

## "Điều 33a. Trách nhiệm của Văn phòng đại diện

1. Đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những nội dung thay đổi quy định tại Điều 18đ, 18g Thông tư này trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép;

2. Đăng ký hoạt động với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi Văn phòng đại diện chuyển đến và tiến hành hoạt động trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi quy định tại Điều 18e Thông tư này. Đồng thời, thực hiện việc thanh, quyết toán các quyền lợi và nghĩa vụ đối với các cá nhân, tổ chức có liên quan tại tỉnh, thành phố nơi văn phòng đại diện chuyển đi theo quy định của pháp luật;

3. Công bố các nội dung thay đổi trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các nội dung thay đổi quy định tại Điều 18đ, 18e, 18g Thông tư này.

4. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này."

5. Khoản 8 Điều 36 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"8. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị thành lập dự định đặt trụ sở chính thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và có văn bản gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Làm đầu mối làm việc với chính quyền địa phương nơi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn (nếu có đề nghị);

c) Làm đầu mối trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo, giám sát ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện và đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước trước khi tiến hành khai trương hoạt động;

d) Đình chỉ ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khai trương hoạt động trong trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đáp ứng các điều kiện khai trương hoạt động;

đ) Báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về điều kiện và tình hình tiến hành khai trương hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

*e) Tiếp nhận, thẩm định đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện quy định tại Điều 18 và hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép đối với các nội dung thay đổi của Văn phòng đại diện quy định tại Điều 18đ, 18e, 18g theo thẩm quyền quy định tại Điều 3 Thông tư này;*

*g) Có văn bản gửi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở của Văn phòng đại diện* *đối với nội dung thay đổi quy định tại Điều 18e Thông tư này;*

*h) Chịu trách nhiệm về quản lý và lưu trữ hồ sơ cấp Giấy phép sau khi đã cấp Giấy phép, sửa đổi, bố sung Giấy phép đối với Văn phòng đại diện;*

*i) Đầu mối tiếp nhận văn bản thông báo của Văn phòng đại diện**đối với các nội dung thay đổi quy định**tại khoản 2 Điều 18d Thông tư này và các báo cáo của Văn phòng đại diện quy định tại Mục 4 Chương III Thông tư này;*

## *k) Thanh tra Văn phòng đại diện có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố theo quy định của pháp luật."*

6. Bổ sung Phụ lục số 09 về mẫu báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện quy định tại khoản 1 Điều 31a Thông tư này.

**Điều 2.**

1. Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 36 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN.

2. Bãi bỏ khoản 1 Điều 1 Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN.

**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) ngân hàng thương mại, Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Trưởng văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Ban lãnh đạo NHNN; - Văn phòng Chính phủ; - Bộ Tư pháp (để kiểm tra); - Công báo; - Lưu: VP, PC, TTGSNH6. | **THỐNG ĐỐC** |

**Phụ lục số 09**

Báo cáo hoạt động của văn phòng đại diện

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2011/TT-NHNN)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**  Số: ……/……… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……, ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG**

**(6 tháng đầu năm.../Năm ...)**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh...

I. Tình hình nhân sự, số người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại Văn phòng:

Thống kê nhân sự làm việc tại Văn phòng, trong đó nêu rõ số người Việt Nam và số người nước ngoài.

**II. Tình hình thực hiện hoạt động:**

1. Hoạt động tiếp cận thị trường:

Thống kê và mô tả các hoạt động tiếp cận thị trường của Văn phòng đại diện.

2. Quan hệ đầu tư, quan hệ đại lý, tín dụng, quan hệ hợp tác giữa tổ chức tín dụng nước ngoài với các ngân hàng thương mại và các tổ chức kinh tế Việt Nam; vai trò của văn phòng đại diện trong các hoạt động này:

Thống kê và mô tả các Quan hệ đầu tư, quan hệ đại lý, tín dụng, quan hệ hợp tác giữa tổ chức tín dụng nước ngoài với các ngân hàng thương mại và các tổ chức kinh tế Việt Nam và đánh giá vai trò của Văn phòng đại diện trong các hoạt động này.

3. Công tác tư vấn, đào tạo:

Thống kê và mô tả về công tác tư vấn và tổ chức đào tạo trong quá trình hoạt động của Văn phòng đại diện.

4. Các hoạt động khác (nếu có):

Thống kê và mô tả các hoạt động khác của Văn phòng đại diện.

**III. Đánh giá chung về tình hình hoạt động của Văn phòng đại diện:**

1. Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động trong 6 tháng đầu năm/năm so với kế hoạch hoạt động đã đề ra.

2. Tình hình chấp hành quy định của pháp luật Việt Nam.

**IV. Kế hoạch hoạt động trong thời gian tới.**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  **CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**  *(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |